

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày 02-8-2019
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Đức Thọ

2. Bà Nguyễn Kim Phụng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai - *Kiểm sát viên*

Ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 166/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXXST - DS ngày 16 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hồ Sỹ D, sinh năm: 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 4, ấp Cần Lê, xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Bà Vũ Thị T, sinh năm: 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ:

- HKTT: tổ 4, ấp Cần Lê, xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Tạm trú: xóm 1, thôn Quỳnh Khê, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải

Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 02 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Hồ Sỹ D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông tự nguyện kết hôn với bà Vũ Thị T vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại tổ 4, ấp Cần Lê, xã Lộc Khánh, huyện Lộc

Ninh, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay. Nay ông D yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con: có 01 con chung tên Hồ Sỹ M, sinh ngày 24/5/2006. Ngoài ra, vợ chồng không có con nuôi hay con riêng hiện nay bà T cũng không mang thai. Khi ly hôn ông D để con chung tự quyết định ở với cha hoặc mẹ thì người đó nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Vũ Thị T trình bày: Bà T thống nhất với ông D về quan hệ hôn nhân và con chung. Nay bà T đồng ý ly hôn với ông D. Về con chung đồng ý giao cho ông D nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân tuân thủ quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông D. Cho ông D được ly hôn với bà T.

Về con chung: Giao cháu Hồ Sỹ M, sinh ngày 24/5/2006 cho ông Hồ Sỹ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án nên không đặt ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Nguyên đơn ông Hồ Sỹ D có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết ly hôn với bà Vũ Thị T, vì vậy yêu cầu của ông D được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Vũ Thị T có tạm trú và làm ăn sinh sống tại xóm 1, thôn Quỳnh Khê, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Tuy nhiên, ông D và bà T có văn bản thỏa thuận yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết vụ án tranh chấp giữa hai ông bà nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, được quy định tại Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn có ý kiến và có đơn xin vắng mặt suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Sỹ D tự nguyện kết hôn với bà Vũ Thị T vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Vì vậy, về quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà T là hợp pháp.

Quá trình chung sống, ông D và bà T xác định có mâu thuẫn, ông D xác định không còn tình cảm với bà T nên yêu cầu được ly hôn với bà T và bà T cũng đồng ý hôn với ông D. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông D đã trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông D.

Về con chung: Hai bên thỏa thuận và thống nhất giao con chung cho ông D nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu M là được ở cùng với ba. Về cấp dưỡng nuôi con chung các bên không đặt ra vấn đề. Do đó cần chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của ông D, Giao cháu Hồ Sỹ M, sinh ngày 24/5/2006 cho ông Hồ Sỹ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy ông D phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Điều 51, Điều 56 và Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 84, Điều 85 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Sỹ D

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Hồ Sỹ D được ly hôn với bà Vũ Thị T.

2/ Về con chung: Giao con chung Hồ Sỹ M, sinh ngày 24/5/2006 cho ông Hồ Sỹ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. con chung

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

3/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Hồ Sỹ D phải chịu 300.000đồng án phí, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí mà ông D đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0000064 ngày 18/3/2019.

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã Lộc Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Minh